

THÔNG BÁO

Vv mời chào hàng cạnh tranh

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức mời chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm "Mua sắm Quặng Apatit phục vụ sản xuất Nhà máy DAP2".

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ ngày 31 tháng 10 năm 2025 (trong giờ hành chính) đến thời điểm trước 14 giờ ngày 06 tháng 11 năm 2025 (hết hạn nộp HSDX).

Tại địa điểm sau:

- Trụ sở chính: Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tầng Loỏng, xã Tầng Loỏng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 0214.3767081 - Fax: 0214.3767047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 14 giờ 00 phút (giờ Việt Nam), ngày 06 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện nhà thầu tới tham dự lễ mở Hồ sơ đề xuất với thời gian và địa điểm nêu trên./.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm "Mua sắm Quặng Apatit phục vụ sản xuất Nhà máy DAP số 2"
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1999/QĐ-DAP2 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến

Lào Cai, ngày 31 tháng 10 năm 2025



Chương I

CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời chào hàng Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem (dưới đây gọi tắt là DAP2) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói mua sắm: Mua sắm Quặng Apatit phục vụ sản xuất Nhà máy DAP2.
- 2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vay/Tự có
- 3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- 1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- 2. Hạch toán tài chính độc lập;
- 3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

Mục 3. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

- 1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
- 2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.
- 3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời chào hàng và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

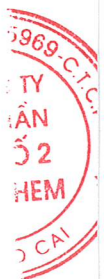
Mục 4. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

- 1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
- 2. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu
- 3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng của nhà thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 2 chương I của HSYC.
- 4. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại mục 2 chương III của HSYC, cụ thể: Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận. Giấy phép khai thác quặng do cơ quan chức năng cấp (Đối với nhà cung cấp là nhà sản xuất). Giấy phép kinh doanh khoáng sản hoặc giấy tờ chứng minh đã hoạt động kinh doanh tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực khoáng sản (đối với nhà cung cấp là công ty thương mại).

Mục 5. Giá chào và giảm giá

- 1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.
- 2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại



Chương IV - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào hàng bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời chào hàng

- Giá chào trên là cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời chào hàng có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 7. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị ít nhất 01 bản HSDX.

2. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh, túi đựng HSDX của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời chào hàng. Trường hợp nộp qua hình thức email (qua địa chỉ vanthu.dap2@gmail.com), tiêu đề thư phải ghi rõ Hồ sơ CHCT cung cấp quặng apatit, không mở trước 14 h 00 ngày 06 tháng 11 năm 2025. Bên mời chào hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu.

4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 8. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện/email đến địa chỉ

của bên mời chào hàng nhưng phải đảm bảo bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 14 h00 ngày 06 tháng 11 năm 2025.

2. Bên mời chào hàng sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm hết hạn nộp HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời chào hàng trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Trước thời điểm hết hạn nộp HSDX, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời chào hàng với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 9. Mở HSDX

1. Bên mời chào hàng tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 14 h00 ngày 06 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Bên mời chào hàng phải lập biên bản mở thầu gồm các thông tin chủ yếu của HSDX của các nhà thầu: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của HSDX; được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào hàng và các nhà thầu tham dự. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực.

Mục 10. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời chào hàng.

2. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 11. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống

nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 12. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 13. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax hoặc email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 14. Điều kiện ký kết hợp đồng

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

Chương II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Mua sắm Quặng Apatit phục vụ sản xuất của Nhà máy DAP2;
- Tên vật tư: Quặng Apatit loại I
- Đặc tính kỹ thuật:
 - + Dạng sản phẩm: Bột/nghiền.
 - + Hàm lượng P_2O_5 : $31\% \pm 1$.
 - + Độ ẩm (H_2O): 12 %. Trường hợp độ ẩm bình quân của lô hàng vượt quá 12 %, khối lượng thanh toán được quy đổi về độ ẩm tiêu chuẩn 12 % theo công thức quy định tại Hợp đồng.
 - + Kích thước hạt: ≤ 8 mm.
- Khối lượng: 10.000 tấn (trong phạm vi- 10%). Nhà cung cấp có thể chào hàng khối lượng tối thiểu 15% tấn trở lên thuộc phạm vi cung cấp của lô hàng.

Mục 2. Các yêu cầu khác

2.1. Thời gian và địa điểm giao hàng

- Thời gian thực hiện: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Tại kho bên mua (KCN Tăng Lông, xã Tăng Lông Tỉnh Lào Cai)
- Tiến độ giao nhận hàng theo lịch thống nhất của hai bên.

2.2. Thanh toán

- Hình thức nghiệm thu thanh toán: Nghiệm thu thanh toán 01 lần khi kết thúc lô hàng.
- Thời gian thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao xong lô hàng và hai bên ký biên bản nghiệm thu, Bên mua nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

2.3. Nguồn gốc hàng hoá

- Hàng hoá chào giá có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Bên bán cam kết cung cấp các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá cung cấp.
- Bên bán cung cấp đầy đủ hồ sơ, giấy phép khai thác quặng do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp.

Chương III
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- b) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng;
- d) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- e) Nhà thầu không có tên trong 2 hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính. Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại mục này.

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá
1.	Kinh nghiệm Nhà cung cấp	
1.1.	Kinh nghiệm chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản	
1.1.1.	Đối với Nhà cung cấp là nhà sản xuất	
	Có tối thiểu 01 năm hoạt động sản xuất trong lĩnh vực khoáng sản, có giấy phép khai thác quặng Apatit do cơ quan chức năng cấp	Đạt

	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.1.2.	Đối với tất cả các nhà cung cấp là công ty thương mại	
	Có tối thiểu 01 năm hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản hoặc có giấy phép kinh doanh khoáng sản (cụ thể là Quặng Apatit) do cơ quan quản lý Nhà nước có đủ thẩm quyền cấp	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2.	Năng lực tài chính trong 2023, 2024 (Thể hiện trên Báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận)	
	Doanh thu trung bình hàng năm trong 02 năm 2023, 2024 của Nhà cung cấp đạt từ 18 tỷ đồng trở lên	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm được chuyển sang đánh giá về giá.

Mục 3. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV

BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết đàm phán, hoàn thiện và ký hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày hết hạn nộp HSDX theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời chào hàng] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào hàng cùng với đơn chào hàng. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
Gói mua sắm “Mua sắm Quặng Apatit phục vụ sản xuất Nhà máy DAP2”

STT	Tên hàng hoá	Nguồn gốc, xuất xứ	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=1*2$
1	Quặng Apatit loại I (tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại mục 1 chương II)		10.000 (trong phạm vi - 10%)		
Thuế GTGT%:					
Tổng cộng:					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá chào bao gồm toàn bộ các chi phí để đưa hàng về kho bên mua.
- Giá chào trên là cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện.
- Nguồn gốc, xuất xứ: Ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của hàng hoá chào giá.

Mẫu số 04. Dự thảo hợp đồng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

HỢP ĐỒNG MUA BÁN QUẶNG APATIT

Số: /2025/HĐM/DAP2

- Căn cứ luật thương mại của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại văn phòng Công ty cổ phần DAP số 2-VINACHEM, khu công nghiệp Tăng Loỏng – huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chúng tôi gồm có:

***BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 -VINACHEM (BÊN MUA)**

- Đại diện: Ông **Vũ Việt Tiến** - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: KCN Tăng Loỏng – TT.Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
- Số tài khoản: 0951000999999 tại Ngân hàng VCB – CN Lào Cai
- Mã số thuế: 5300265969

***BÊN A: (BÊN BÁN)**

- Đại diện:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản:
- Mã số thuế:

Sau khi cùng nhau bàn bạc, hai Bên đi đến thống nhất thỏa thuận và ký kết hợp đồng với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU I. Loại sản phẩm hàng hóa:

Bên A bán Quặng Apatit loại I bột/nghiền cho Bên B với số lượng, tiêu chuẩn như sau:

T T	Loại quặng	Số lượng (tấn)	Chất lượng sản phẩm			Đơn giá (đồng/tấn) Đã bao gồm thuế GTG
			P ₂ O ₅	H ₂ O	Kích cỡ	
1	Quặng Apatit bột/nghiền loại I	10.000 (-10%)	31%±1	12%	≤ 8 mm

ĐIỀU 2: Thời gian thực hiện hợp đồng; tiến độ giao hàng

1. Thời gian: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
2. Tiến độ giao nhận hàng theo lịch thống nhất của hai bên.

ĐIỀU 3: Địa điểm giao hàng, xác định trọng lượng, chất lượng hàng hóa.

1. Địa điểm giao hàng: Trên phương tiện vận chuyển của bên A tại kho của bên B (Khu công nghiệp Tăng Loong, tỉnh Lào Cai).

2. Xác định số lượng và chất lượng hàng hóa:

a. Về số lượng: (Được 2 bên xác định qua cân của bên B. Hai bên cử người kiểm tra thống nhất hiệu chỉnh cân trong trường hợp cân của bên B chênh lệch so với cân của bên A trên 0,5% khối lượng hàng cho 1 xe vận chuyển).

Trường hợp độ ẩm bình quân lô hàng >12%, khối lượng Bên A giao cho bên B được giảm trừ theo độ ẩm vào hóa đơn xác định theo công thức sau:

$$G = \frac{m(100-a)}{(100-b)} \quad (\text{tấn})$$

Trong đó:

- G: là khối lượng thanh toán sau khi quy đổi về hàm ẩm theo hợp đồng.
- m: là khối lượng có độ ẩm tự nhiên qua cầu cân.
- a: là độ ẩm thực tế của quặng khi phân tích
- b: là độ ẩm quặng theo hợp đồng.

b. Về chất lượng sản phẩm khi giao: Về %P₂O₅ và %H₂O:

- Lấy chất lượng bình quân theo lô tại Kho Nhà máy DAP2 theo kết quả phân tích của Phòng KCS của DAP2 (Bên B).

- Lấy mẫu phân tích: Lấy mẫu ở tất cả các xe với khối lượng 200-300 (tấn) gộp thành 01 mẫu. Mỗi mẫu chia thành 03 phần, mỗi bên giữ 01 phần mẫu để phân tích và 01 phần mẫu còn lại được niêm phong.

- Chất lượng gồm P₂O₅ và H₂O : Hai bên thống nhất cùng phân tích theo Phương Pháp Thử của TCVN 180 – 2009 về Quặng Apatit để xác định chất lượng.

- Đối với kết quả phân tích hàm lượng P₂O₅, nếu kết quả hai bên có chênh lệch >0,3 thì hai bên lấy mẫu niêm phong gửi đơn vị thứ 3 là chi nhánh công ty CP tập đoàn Vinacontrol Lào Cai để phân tích. Kết quả phân tích của công ty CP tập đoàn Vinacontrol Lào Cai sẽ được làm cơ sở hai bên công nhận. Bên có kết quả phân tích sai lệch nhiều hơn so với kết quả phân tích của công ty CP tập đoàn Vinacontrol Lào Cai sẽ chịu toàn bộ chi phí, nếu bằng nhau thì mỗi bên chịu 50% chi phí phân tích.

ĐIỀU 4. Giá cả và thanh toán

1. Giá bán:

a. Với quặng Apatit bột có hàm lượng P₂O₅ = 31%:

Hai bên thống nhất đơn giá quặng Apatit loại I bột/nghiền ở hàm lượng tiêu chuẩn 31% P₂O₅ & độ ẩm: ≤12% H₂O là: **đ/ tấn** (Đã bao gồm thuế VAT. Đơn giá này đã bao gồm cước vận tải từ kho Bên bán tới kho Bên mua tại KCN Tăng Loong – Lào Cai).

b. Giá bán khi thanh toán được tính cụ thể theo công thức sau:

$$A = \frac{B}{D} \times C$$

Trong đó:

- A: Là đơn giá quặng theo hàm lượng thực tế được hai bên thống nhất dùng để thanh toán (đ/ tấn)
- B: Là đơn giá quặng theo hợp đồng tại P_2O_5 31%, độ ẩm $\leq 12\%$
- C: Là hàm lượng % P_2O_5 thực tế được hai bên thống nhất.
- D: Là hàm lượng % P_2O_5 tiêu chuẩn ($D=31\%$)

3. Thanh toán:

a. Hóa đơn GTGT:

Sau khi hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng, chất lượng, Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B, mức thuế suất áp dụng theo quy định của nhà nước tại thời điểm phát hành hóa đơn.

b. Về thời hạn thanh toán:

Bên mua thanh toán cho Bên Bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao xong lô hàng và hai bên ký biên bản nghiệm thu và nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

d. Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

ĐIỀU 5. Trách nhiệm mỗi bên:

5.1. Bên A (Bên Bán):

5.1.1 Về hàng hóa:

Bên A chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ, số lượng và chất lượng hàng hóa cung cấp theo đúng các điều khoản của Hợp đồng.

Bên A có nghĩa vụ tổ chức sản xuất, kinh doanh và cung ứng hàng hóa trong phạm vi của Hợp đồng này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2 Về giao nhận hàng:

Bên A chịu trách nhiệm tổ chức vận chuyển quặng apatit và các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên B tại địa điểm giao hàng quy định trong hợp đồng.

Bên A thực hiện giao hàng và đối chiếu khối lượng, chất lượng hàng hóa theo hợp đồng; phối hợp với Bên B để xác nhận khối lượng, chất lượng quặng đã giao làm căn cứ lập hóa đơn tài chính và thanh toán giữa hai bên.

Trong trường hợp xảy ra rơi vãi, gây mất vệ sinh môi trường trong quá trình giao hàng tại kho Nhà máy DAP số 2, Bên A có trách nhiệm thu gom, dọn dẹp, khắc phục theo yêu cầu của Bên B và tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

5.1.3 Về hóa đơn, chứng từ:

Bên A có trách nhiệm phát hành hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) đúng quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ; đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ, hợp lý của hóa đơn.

Bên A chịu trách nhiệm toàn bộ và đến cùng về mọi hậu quả pháp lý phát sinh từ việc lập và sử dụng hóa đơn do mình phát hành.

5.2. Bên B (Bên Mua):

- Tổ chức nhận hàng theo kế hoạch hai bên thống nhất.
- Cùng bên A xác định số lượng, chất lượng quặng khi giao nhận để lập hóa đơn tài chính thanh toán đôi bên.
- Cử cán bộ đến Bên A để ký nhận hóa đơn GTGT của Bên A viết cho Bên B.
- Thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Bên A kịp thời, đúng kỳ hạn.

ĐIỀU 6: Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng đã ký. Bên nào đơn phương gây thiệt hại cho bên kia phải chịu trách nhiệm bồi thường theo pháp luật hiện hành của Nhà nước (*trừ trường hợp bất khả kháng như: Thiên tai, địch họa phương tiện bốc xúc của Bên A bị sự cố hỏng hóc lớn mà không khắc phục ngay được*).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh vướng mắc, hai bên gặp nhau thương thảo giải quyết cụ thể (*bằng văn bản*).

Nếu cần sửa đổi bổ sung điều khoản nào của hợp đồng, hai bên gặp nhau thương thảo, giải quyết (*bằng văn bản*). Các nội dung thương thảo, giải quyết, bổ sung hợp đồng sẽ được lập thành văn bản phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến khi hai bên hoàn thành các điều khoản và nghĩa vụ liên quan theo hợp đồng mà không bên nào khiếu kiện gì, hợp đồng coi như được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản như nhau, mỗi bên 02 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

